

**LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **672**/LMHTXVN - VP

Hà Nội, ngày **27** tháng 9 năm 2021

Về việc cung cấp thông tin văn bản liên quan đến khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã.

Kính gửi: -Liên minh Hợp tác xã tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
- Các ban tham mưu, đơn vị trực thuộc

Để thông tin kịp thời các văn bản về chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã và hệ thống liên minh hợp tác xã; giúp đơn vị hệ thống hóa các văn bản thuận lợi triển khai, tổ chức thực hiện hiệu quả chức năng, nhiệm vụ được giao.

Hàng tháng, Liên minh HTX Việt Nam tổng hợp các văn bản của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước gửi các ban, đơn vị, Liên minh HTX tỉnh/thành phố nghiên cứu, tham khảo. Gửi kèm Công văn này phụ lục văn bản tháng 8, tháng 9/2021.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch LMHTXVN (để báo cáo);
- Lưu: VT, VP, KTr.

**TL. CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Phạm Ngọc Toại



PHỤ LỤC

CÁC VĂN BẢN VỀ CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG VÀ CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC LIÊN QUAN ĐẾN KHU VỰC KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ VÀ HỆ THỐNG LIÊN MINH HTX VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Công văn số: 612/LMHTXVN-VP ngày 27 tháng 9 năm 2021
của Liên minh HTX Việt Nam)

Số TT	Tên văn bản	Nội dung có liên quan	Thời hạn hiệu lực
I	VĂN BẢN CỦA ĐẢNG		
	Quyết định số 77/QĐ-BCĐKTTT ngày 03/8/2021 của Ban Chỉ đạo Trung ương tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể ban hành Kế hoạch và Đề cương tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002, Hội nghị lần thứ 5, Ban Chấp hành Trung ương 5	Theo Kế hoạch, đối với các cấp ủy Đảng từ cơ sở đến Trung ương gồm: cấp huyện, cấp tỉnh; các bộ, ngành, đoàn thể trung ương và các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện tổng kết từ tháng 6/2021 đến tháng 12/2021. Liên minh HTX Việt Nam chủ trì đoàn công tác tại các vùng: Tây Nguyên, Nam Trung bộ (8 tỉnh). Xây dựng Dự thảo Báo cáo tổng kết gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Trước ngày 25/10/2021: Liên minh HTX Việt Nam chủ trì tổ chức Hội nghị toàn quốc về tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết trong lĩnh vực phi nông nghiệp. Báo cáo kết quả hội nghị về cơ quan thường trực Ban chỉ đạo (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) trước ngày 30/10/2021. Tham dự Hội nghị quốc gia về tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết TW 5 khóa IX.	Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

II	VĂN BẢN CỦA QUỐC HỘI, ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI		
	Nghị quyết số 03/2021/UBTVQH15 ngày 24/9/2021 của UBTVQH về "Ban hành chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 từ Quỹ bảo hiểm thất nghiệp"	Điều 1. Chính sách hỗ trợ người lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 1. Sử dụng khoảng 30.000 tỷ đồng từ kết dư Quỹ bảo hiểm thất nghiệp đến hết năm 2020 để hỗ trợ người lao động thuộc các đối tượng sau: a) Đang tham gia bảo hiểm thất nghiệp tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2021 (không bao gồm người lao động đang làm việc tại cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên). b) Đã dừng tham gia bảo hiểm thất nghiệp do chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 9 năm 2021 có thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp được bảo lưu theo quy định của pháp luật về việc làm, không bao gồm người hưởng lương hưu hàng tháng. 2. Thời gian thực hiện việc hỗ trợ người lao động từ ngày 01 tháng 10 năm 2021 và hoàn thành chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2021. Điều 2. Chính sách hỗ trợ người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 Người sử dụng lao động quy định tại Điều 43 của Luật Việc làm (không bao gồm cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên) đang tham gia bảo hiểm thất nghiệp	Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

		trước ngày 01 tháng 10 năm 2021 được giảm mức đóng từ 1% xuống bằng 0% quỹ tiền lương tháng của những người lao động thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp trong thời gian 12 tháng, từ ngày 01 tháng 10 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2022. Điều 3. Tổ chức thực hiện 1. Chính phủ quy định cụ thể đối tượng được hỗ trợ quy định tại Điều 1 và Điều 2 của Nghị quyết này và mức hỗ trợ bảo đảm nguyên tắc đóng – hưởng, chia sẻ, công bằng đối với người lao động và người sử dụng lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp; chỉ đạo các bộ, ngành hữu quan, các địa phương triển khai thực hiện chính sách kịp thời, đúng đối tượng, công khai, minh bạch và hiệu quả. 2. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban Xã hội, Ủy ban Tài chính, Ngân sách, các Ủy ban khác của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, Đại biểu Quốc hội giám sát việc thực hiện Nghị quyết này. 3. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, tổ chức đại diện người sử dụng lao động và các tổ chức thành viên khác của Mặt trận tham gia tuyên truyền, vận động và giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.	
III	VĂN BẢN CỦA CHÍNH PHỦ		
1	Nghị quyết 107/NQ-CP ngày 11/9/2021 phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8/2021.	Chính phủ yêu cầu các bộ, cơ quan, địa phương tích cực triển khai hiệu quả, quyết tâm đưa phong trào thi đua “Cả nước đoàn kết, chung sức, đồng lòng thi đua phòng, chống và chiến thắng đại dịch COVID-19” vào thực tiễn đời sống, xã hội.	

		Cụ thể, thực hiện nghiêm những nhiệm vụ, giải pháp phòng, chống dịch COVID-19 theo kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Lãnh đạo chủ chốt, nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo quốc gia, đặc biệt là các Công điện số 1099/CĐ-TTg ngày 22/8/2021 và 1102/CĐ-TTg ngày 23/8/2021, kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc của Ban Chỉ đạo quốc gia với các địa phương về công tác phòng, chống dịch COVID-19. Quán triệt phương châm lấy xã, phường, thị trấn là “pháo đài”, người dân là “chiến sỹ”, vừa là trung tâm phục vụ, vừa là chủ thể trong phòng, chống dịch; chiến thắng dịch bệnh là chiến thắng của nhân dân. Quyết tâm không để dịch lan rộng, nhất là những khu vực trọng yếu như Thủ đô Hà Nội, các khu đô thị lớn tập trung đông dân cư, khu công nghiệp... Khẩn trương thực hiện tiêm vaccine khoa học, kịp thời, hiệu quả, tập trung cho các đối tượng cần thiết như các lực lượng tuyến đầu, người cao tuổi, người có bệnh lý nền, người tại khu vực nguy cơ rất cao, tại các địa bàn trọng điểm đang có dịch bùng phát mạnh và các khu vực trọng yếu. Sớm ngăn chặn, kiểm soát dịch bệnh để trở lại trạng thái “bình thường mới” trên phạm vi cả nước. Đồng thời, tiếp tục chú trọng ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội; bảo đảm an dân, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, tháo gỡ khó khăn, duy trì và phát triển sản xuất, kinh doanh gắn với bảo đảm an toàn phòng, chống dịch bệnh. Tiếp tục đôn đốc, chỉ đạo hướng dẫn cụ thể các địa phương phòng, chống dịch	
--	--	---	--

		Giao nhiệm vụ cho các bộ ngành phối hợp với chính quyền địa phương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ triển khai kịp thời, hiệu quả các chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 1/7/2021 của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 7/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ; rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung theo hướng đơn giản hóa thủ tục hồ sơ, rút ngắn thời gian nhằm tạo điều kiện tiếp cận chính sách dễ dàng, nhanh chóng; đồng thời tiếp tục rà soát, kiến nghị chính sách mới nhằm hỗ trợ người lao động, người dân, người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19, bảo đảm làm tốt công tác an dân, an sinh xã hội....	
2	Nghị quyết số 116/NQ-CP của Chính phủ ngày 24/9/2021.	Theo đó, hỗ trợ bằng tiền cho các đối tượng sau: - Người lao động đang tham gia BHTN tại thời điểm ngày 30/9/2021 (Không bao gồm NLĐ đang làm việc tại cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và đơn vị sự nghiệp công lập do NSNN bảo đảm chi thường xuyên). - NLĐ đã dừng tham gia BHTN do chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc trong khoảng thời gian ngày 01/01/2020 đến hết ngày 30/9/2021 có thời gian đóng BHTN được bảo lưu (không bao gồm người hưởng lương hưu hàng tháng). Mức hỗ trợ dựa trên thời gian đóng BHTN nhưng chưa hưởng trợ cấp thất nghiệp như sau: - Thời gian đóng BHTN dưới 12 tháng: hỗ trợ 1.800.000 đồng/người. - Thời gian đóng BHTN từ đủ 12 tháng đến dưới 60 tháng: hỗ trợ 2.100.000 đồng/người. - Thời gian đóng BHTN từ đủ 60 tháng đến dưới 84 tháng: hỗ trợ	Thời gian thực hiện việc hỗ trợ NLĐ từ ngày 01/10/2021 và hoàn thành chậm nhất vào ngày 31/12/2021.

		2.400.000 đồng/người. - Thời gian đóng BHYT từ đủ 84 tháng đến dưới 108 tháng: hỗ trợ 2.650.000 đồng/người. - Thời gian đóng BHYT từ đủ 108 tháng đến dưới 132 tháng: hỗ trợ 2.900.000 đồng/người. - Thời gian đóng BHYT từ đủ 132 tháng trở lên: hỗ trợ 3.300.000 đồng/người.	
3	Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 09/9/2021 của Chính phủ về hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh dịch Covid-19	Mục tiêu của Nghị quyết là tập trung khôi phục, phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh gắn với bảo đảm an toàn phòng, chống dịch COVID-19; hỗ trợ, tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh, giảm thiểu tối đa số doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tạm ngừng hoạt động, giải thể, phá sản do tác động bởi dịch COVID-19. Đến hết năm 2021 phấn đấu lũy kế ít nhất khoảng 1 triệu lượt khách hàng là doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được hưởng chính sách tín dụng hỗ trợ ứng phó dịch bệnh. Đại đa số các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh quay trở lại hoạt động; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách gia hạn nộp thuế; miễn, giảm thuế, phí, tiền thuê đất; hỗ trợ giảm tiền điện, tiền nước, cước viễn thông, các chính sách hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động, đào tạo lao động... cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19. Có 04 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau: <i>1. Thực hiện quyết liệt, hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh phục hồi, duy trì và phát triển sản xuất, kinh doanh gắn với bảo đảm an toàn phòng, chống dịch</i>	Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

		2. Đảm bảo ổn định sản xuất, lưu thông hàng hoá thông suốt, hiệu quả, an toàn, khắc phục gián đoạn chuỗi cung ứng 3. Hỗ trợ cắt giảm chi phí, tháo gỡ khó khăn về tài chính, dòng tiền cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh 4. Tạo điều kiện thuận lợi về lao động, chuyên gia.	
4	Quyết định số 76/QĐ-BCĐKTTT ngày 02/8/2021 của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái, Trưởng Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã ban hành Kế hoạch tổng kết 10 năm thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012.	Theo Kế hoạch, tổng kết thi hành Luật HTX tập trung vào các nội dung cơ bản: Tình hình xây dựng, ban hành, tuyên truyền, phổ biến Luật HTX và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật HTX của các bộ, ngành, địa phương; tình hình tổ chức bộ máy của các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, HTX; tình hình tổ chức thực hiện công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, HTX, bao gồm: Đăng ký, báo cáo, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm...; tình hình thực hiện các chính sách hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước, tình hình hợp tác quốc tế; tình hình phát triển kinh tế tập thể, HTX kể từ khi Luật HTX năm 2012 có hiệu lực thi hành. Bên cạnh đó, đánh giá những kết quả đạt được, các tồn tại, hạn chế, chưa thống nhất, đồng bộ của Luật HTX năm 2012 trong hệ thống pháp luật; rút ra những nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và đề xuất, kiến nghị các giải pháp tháo gỡ khó khăn, phát huy những kết quả đạt được, nâng cao hiệu quả thi hành Luật HTX; kiến nghị hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật, thể chế phát triển kinh tế tập thể, HTX. Đồng thời, đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các nội dung của Luật HTX và các văn bản pháp luật có liên quan. Thời gian xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch Tổng kết thi hành Luật HTX từ tháng 7/2021 đến tháng 12/2021. Cụ thể, từ tháng 7 đến tháng 10/2021, tổng kết tại các bộ, cơ quan, địa phương, trong đó, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tiến hành tổng kết thi	Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

		hành Luật và tổ chức Hội nghị Tổng kết thi hành Luật ở 2 cấp: Cấp huyện trong tháng 9/2021; cấp tỉnh trong tháng 10/2021. Từ tháng 7 đến tháng 10/2021 khảo sát thực tế và xây dựng báo cáo chuyên đề. Từ tháng 10 đến tháng 12/2021, tổng kết toàn quốc.	
5	Quyết định số 79/QĐ-BCĐKTTT ngày 09/8/2021 của Ban Chỉ đạo đổi mới phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã ban hành kèm theo Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể	Ban Chỉ đạo Trung ương tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo) được thành lập theo Quyết định số 887/QĐ-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về thực hiện nhiệm vụ tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 13-NQ/TW). Thường trực Ban Chỉ đạo là Bộ Kế hoạch và Đầu tư; giúp việc cho Ban Chỉ đạo và Thường trực Ban Chỉ đạo là Tổ Biên tập và Văn phòng đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã (trên cơ sở sử dụng bộ máy của Cục Phát triển Hợp tác xã - Bộ Kế hoạch và Đầu tư và công chức kiêm nhiệm, biệt phái của các bộ, cơ quan khác có thành viên tham gia Ban Chỉ đạo). Đồng chí Lê Minh Khái, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ, Trưởng ban Chỉ đạo Đồng chí Nguyễn Chí Dũng, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Phó Trưởng ban Chỉ đạo thường trực Đồng chí Lê Minh Hoan, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phó Trưởng ban	Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

		Đồng chí Nguyễn Ngọc Bảo, Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Phó Trưởng ban Chỉ đạo Trong số các ủy viên của Ban Chỉ đạo có 01 Đồng chí Phó Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Ủy viên.	
6	Nghị quyết số 97/NQ-CP ngày 28/8/2021 của Chính phủ về phương án hỗ trợ giảm tiền điện, giảm giá điện (đợt 5) cho các khách hàng sử dụng điện	Chính phủ thống nhất phương án hỗ trợ giảm tiền điện, giảm giá điện (đợt 5) cho các khách hàng sử dụng điện bị ảnh hưởng của dịch Covid-19 như đề xuất của Bộ Công Thương tại văn bản số 523/BC-BCT ngày 23 tháng 8 năm 2021 nêu trên. Giao Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan tổ chức triển khai thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục và quy định pháp luật, bảo đảm chặt chẽ, đúng đối tượng, không để trục lợi chính sách; chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung, số liệu báo cáo và đề xuất.	Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.
IV	Văn bản của Bộ ngành liên quan đến chính sách hỗ trợ cho người dân do ảnh hưởng của đại dịch Covid - 19		
1	Thông tư số 68/2021/TT-BTC ngày 06/8/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí trong lĩnh vực thú y nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.	Mức thu một số khoản phí, lệ phí trong lĩnh vực thú y được giảm 50% so với Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính.	Thông tư có hiệu lực từ ngày 06/8/2021 đến hết ngày 31/12/2021.

2	Thông tư số 14/2021/TT-NHNN ngày 07/9/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng với dịch Covid-19.	“Điều 4. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với số dư nợ gốc và/hoặc lãi của khoản nợ (bao gồm cả các khoản nợ thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số <u>55/2015/NĐ-CP</u> ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn (đã được sửa đổi, bổ sung)) khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây: 1. Phát sinh trước ngày 01/8/2021 từ hoạt động cho vay, cho thuê tài chính. 2. Phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong khoảng thời gian từ ngày 23/01/2020 đến ngày 30/6/2022. 3. Số dư nợ của khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Số dư nợ còn trong hạn hoặc quá hạn đến 10 (mười) ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán, thời hạn trả nợ theo hợp đồng, thỏa thuận, trừ trường hợp quy định tại điểm b, điểm c, điểm d Khoản này; b) Số dư nợ của khoản nợ phát sinh trước ngày 23/01/2020 và quá hạn trong khoảng thời gian từ ngày 23/01/2020 đến ngày 29/3/2020; c) Số dư nợ của khoản nợ phát sinh từ ngày 23/01/2020 đến trước ngày 10/6/2020 và quá hạn trước ngày 17/5/2021; d) Số dư nợ của khoản nợ phát sinh từ ngày 10/6/2020 đến trước ngày 01/8/2021 và quá hạn từ ngày 17/7/2021 đến trước ngày 07/9/2021. 4. Được tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đánh giá khách hàng không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận do doanh thu, thu nhập sụt giảm bởi ảnh hưởng của dịch Covid-19.	Thông tư này có hiệu lực từ ngày 07 tháng 9 năm 2021.
---	--	--	--

	5. Khách hàng có đề nghị được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đánh giá khách hàng có khả năng trả nợ đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại. 6. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với khoản nợ vi phạm quy định pháp luật. 7. Thời gian cơ cấu lại thời hạn trả nợ (kể cả trường hợp gia hạn nợ) phù hợp với mức độ ảnh hưởng của dịch Covid -19 đối với khách hàng và không vượt quá 12 tháng kể từ ngày tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ hoặc kể từ ngày đến hạn của từng số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ. 8. Việc thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho khách hàng thực hiện đến ngày 30/6/2022.” 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau: “Điều 5. Miễn, giảm lãi, phí 1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quyết định việc miễn, giảm lãi, phí theo quy định nội bộ đối với số dư nợ của khoản nợ phát sinh trước ngày 01/8/2021 từ hoạt động cấp tín dụng (trừ hoạt động mua, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp) mà nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi đến hạn thanh toán trong khoảng thời gian từ ngày 23/01/2020 đến ngày 30/6/2022 và khách hàng không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận do doanh thu, thu nhập sụt giảm bởi ảnh hưởng của dịch Covid -19. 2. Việc thực hiện miễn, giảm lãi, phí cho khách hàng theo quy định tại Thông tư này thực hiện đến ngày 30/6/2022.” 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6 Thông tư số <u>01/2020/TT-NHNN</u> (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4 Điều 1 Thông tư số <u>03/2021/TT-NHNN</u> ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN) như sau:	
--	---	--

		“2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về phân loại nợ trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi quy định tại Điều 4 và Điều 5 Thông tư này của khoản nợ phát sinh từ ngày 23/01/2020 đến trước ngày 01/8/2021 như sau: a) Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu đối với số dư nợ quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Thông tư này; b) Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày khoản nợ bị chuyển quá hạn đối với số dư nợ quy định tại điểm c, điểm d khoản 3 Điều 4 Thông tư này; c) Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày thực hiện miễn, giảm lãi lần đầu đối với số dư nợ quy định tại Điều 5 Thông tư này.”	
V	Văn bản pháp luật liên quan đến hệ thống Liên minh hợp tác xã Việt Nam		
1	Nghị định số 81/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo	Đối tượng được miễn học phí trong đó có: “12. Học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; 17. Người tốt nghiệp trung học cơ sở học tiếp lên trình độ trung cấp.	Nghị định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 10 năm 2021 và thay thế Nghị định <u>86/2015/NĐ-CP</u> ngày 02 tháng 10 năm

		Không thu học phí có thời hạn: “Khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh, các sự kiện bất khả kháng do cơ quan có thẩm quyền công bố; tùy theo mức độ và phạm vi thiệt hại, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định không thu học phí trong thời hạn nhất định đối với trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông công lập, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông thuộc vùng bị thiên tai, dịch bệnh, vùng xảy ra các sự kiện bất khả kháng.”. Hồ Sơ thủ tục thực hiện miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí đối với người học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học: “2. Trình tự thực hiện: Trong vòng 45 ngày làm việc kể từ ngày khai giảng năm học, cha mẹ (hoặc người giám hộ) trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên; học sinh, sinh viên, học viên học ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học thuộc đối tượng được miễn giảm học phí, hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí học tập nộp Đơn (theo mẫu tại Phụ lục II; Phụ lục III; Phụ lục IV; Phụ lục V; Phụ lục VI, Phụ lục VII Nghị định này) và bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao từ sổ gốc một trong các giấy tờ được quy định tại khoản 1 Điều này để minh chứng thuộc đối tượng miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập gửi cơ sở giáo dục theo hình thức nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc hệ thống giao dịch điện tử.	2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021.
--	--	---	--

		3. Trách nhiệm xét duyệt và thẩm định hồ sơ: c) Đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập: Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn đề nghị miễn, giảm học phí, Thủ trưởng cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập có trách nhiệm xét duyệt hồ sơ và quyết định miễn, giảm học phí đối với học sinh, sinh viên và học viên; đồng thời lập danh sách học sinh, sinh viên, học viên được miễn, giảm học phí theo mẫu quy định tại Phụ lục IX gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp. Cơ quan quản lý cấp trên thẩm định, lập dự toán kinh phí theo mẫu quy định tại Phụ lục X gửi Bộ Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện trong dự toán ngân sách hàng năm; “Cơ chế miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và hỗ trợ đóng học phí 3. Nhà nước cấp trực tiếp tiền miễn, giảm học phí cho các đối tượng thuộc diện được miễn, giảm học phí theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục, cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp.... theo mức học phí do cơ quan có thẩm quyền quy định trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên tương ứng với các nhóm ngành, chuyên ngành quy định tại Điều 10 và Điều 11 Nghị định này.” Kinh phí thực hiện chế độ miễn, giảm học phí cho các cơ sở giáo dục công lập: “b) Cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học căn cứ mức thu học phí tương ứng với từng ngành, nghề đào tạo của trường (không vượt quá mức trần học phí quy định tại Nghị định này đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục đại học chưa tự đảm bảo	
--	--	--	--

		chi thường xuyên) và số lượng đối tượng miễn, giảm học phí lập danh sách, xây dựng dự toán kinh phí gửi cơ quan dự toán cấp trên thẩm định, tổng hợp gửi cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền bố trí dự toán kinh phí thực hiện. Căn cứ quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước của Thủ tướng Chính phủ: "...2. Các bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định phân bổ kinh phí cấp bù miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập trực thuộc theo chế độ quy định.".	
2	Quyết định số 1575 QĐ-TTg ngày 22/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt biên chế công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước của các cơ quan hành chính nhà nước và biên chế của các Hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi cả nước năm 2022	Theo đó, tổng biên chế công chức năm 2022 của các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước, Cơ quan Đại diện của Việt Nam ở nước ngoài (không bao gồm biên chế của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và cán bộ, công chức cấp xã), biên chế của các Hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi cả nước và biên chế công chức dự phòng là 256.685 biên chế. Hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi cả nước là 686 biên chế, trong đó riêng Liên minh HTX Việt Nam là 172 biên chế.	Quyết định này có hiệu lực từ ngày 22/9/2021.

